

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Ngành: KINH TẾ

Mã ngành: 7310103

Thái Nguyên, 2020

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số: 576/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)*

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh tế

Mã ngành: 7310103

Hình thức đào tạo: Chính quy

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Thông tin kiểm định CTĐT:

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Tên khoa thực hiện CTĐT: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- **Thang điểm:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

- **Quy trình đào tạo:** Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

- **Điều kiện tốt nghiệp:**

Điều kiện chung: Theo quy định của Bộ giáo dục đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh.

Điều kiện của chương trình đào tạo:

4. Mục tiêu đào tạo

Mục đích: Đào tạo những cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; có sức khỏe; có trình độ chuyên môn vững vàng về kinh tế nông nghiệp và PTNT, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, thích nghi với mọi môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân, có trách nhiệm với xã hội.

Mục tiêu đào tạo: Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực:

1. Kiến thức: Có kiến thức khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh và quản lý, kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn để phát triển khả năng học tập suốt đời và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn;

2. Kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, có kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng phân tích, ra quyết định và kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; hình thành ý tưởng khởi nghiệp và tổ chức thực hiện các dự án khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn;

3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng làm việc độc lập, dẫn dắt nhóm làm việc trong điều kiện môi trường thay đổi; bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân; thực hiện tốt trách nhiệm xã hội.

Chuẩn đầu ra

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	Kiến thức	
1.1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật trong ứng xử cuộc sống và công việc; có phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn ở lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.	3
1.2	Đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn về phân bổ và sử dụng nguồn lực một cách hợp lý trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.	4
1.3	Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của công việc như: làm việc thành thạo với các ứng dụng thông dụng của máy vi tính như word, excel, powerpoint; hiểu biết về mạng máy tính. Đạt chuẩn về trình độ tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	3
1.4	Tính toán, thiết kế, điều hành và giám sát hiệu quả các quá trình sản xuất kinh doanh, đánh giá chương trình, dự án nông nghiệp nông thôn trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.	4
1.5	Phân tích được các hệ thống nông nghiệp, công tác khuyến nông, vấn đề kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn nói chung trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.	4
2.	Kỹ năng	
2.1	Có năng lực về ngoại ngữ tiếng Anh, hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý	3

	kiến liên quan đến công việc chuyên môn. Đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế & QTKD.	
2.2	Giao tiếp, nói trước đám đông tốt; biết cách tổ chức giao tiếp, truyền đạt nội dung, vấn đề trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn cho người khác một cách chính xác, rõ ràng	3
2.3	Vận dụng thành thạo các phương pháp thu thập, phân tích thông tin liên quan trong đánh giá lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp ở các vùng miền.	4
2.4	Phân tích, xác định được vấn đề ưu tiên, đề xuất giải pháp và kiến nghị trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trong môi trường làm việc ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.	4
2.5	Phân tích và xử lý tốt những thông tin về công nghệ, kinh tế, thị trường liên quan tới sản phẩm nông nghiệp để có thể tự khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác;	4
2.6	Quan sát toàn diện, tìm kiếm các căn cứ khoa học để làm sáng tỏ các vấn đề của sản xuất, kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh hội nhập, biến đổi khí hậu, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch	3
3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
3.1	Làm việc độc lập, thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau; tự lên được những mục tiêu cá nhân, lập được các kế hoạch cụ thể, rõ ràng để triển khai công việc có hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn	5
3.2	Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế nông nghiệp để đưa ra các nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển kinh tế xã hội ở các vùng, miền, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những nhận định đánh giá đó.	5
3.3	Đề xuất được phương hướng phát triển sản xuất, kinh doanh có tính khả thi cao các sản phẩm nông nghiệp phù hợp với các vùng miền trong giai đoạn hiện nay.	5
3.4	Vận dụng đúng các nguyên tắc kinh tế, quản lý các nguồn lực trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; Vận dụng sáng tạo, linh hoạt những chính sách vào phát triển nông nghiệp - nông thôn.	4

- Các ma trận thể hiện sự đáp ứng của chuẩn đầu ra (Phụ lục A)

- Báo cáo về các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài/nội bộ được sử dụng để cung cấp thông tin về CDR được rà soát và điều chỉnh (Phụ lục B)

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 125 tín chỉ:

(không bao gồm kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

- Kiến thức giáo dục đại cương: 32 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 93 tín chỉ (Bao gồm cả báo cáo, khóa luận tốt nghiệp 10 tín chỉ)

6. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

TT	Các kiến thức	Số TC
1	Kiến thức giáo dục đại cương	32
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30
2.2	Kiến thức ngành	24
2.3	Kiến thức chuyên ngành	27
2.4	Thực tập nghề nghiệp/môn học	2
2.5	Thực tập tốt nghiệp	10
	Tổng toàn khóa	125

- Ma trận thể hiện sự đáp ứng CDR của các học phần trong CTĐT Cử nhân kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra														
			1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4
1	MPL 121	Triết học Mác-Lênin	x								x			x			
2	MLP 132	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x	x								x		x			
3	VCP131	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	x									x	x			
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x						x						x		
5	VCP 121	Lịch sử Đảng CSVN	x								x			x			
6	LAW121	Pháp luật đại cương	x										x				x
7	GIF131	Tin học đại cương			x							x		x			
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán				x				x				x			
9	MAE131	Toán kinh tế				x				x							x
10	ENG121	Tiếng Anh 1						x									
11	ENG122	Tiếng Anh 2						x									
12	ENG123	Tiếng Anh 3						x									
13	ENG124	Tiếng Anh 4						x									
14	ENG125	Tiếng Anh 5						x									
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
18		Giáo dục quốc phòng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
19	MIE231	Kinh tế học vi mô 1	x	x							x						x

20	MAN231	Quản trị học				x							x			
21	MAE231	Kinh tế học vĩ mô 1	x	x						x						x
22	GEM231	Marketing căn bản				x			x			x			x	
23	FAM231	Tài chính - tiền tệ 1				x						x		x		
24	PSE231	Nguyên lý thống kê	x	x						x						x
25	ACT231	Nguyên lý kế toán				x			x							x
26	EIA231	Phân tích Thông tin Kinh tế	x							x				x		
27	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x							x			x		
28	VEG231	Địa lý kinh tế Việt Nam		x							x			x		
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x							x				x		
30	ECO231	Kinh tế lượng				x				x						x
31	ECS231	Thống kê kinh tế	x							x				x		
32	PEC331	Kinh tế công cộng		x							x					x
33	ENE331	Kinh tế môi trường		x							x					x
34	INE331	Kinh tế bảo hiểm		x									x			x
35	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư				x							x			x
36	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng		x									x		x	
37	DEC331	Kinh tế phát triển		x									x	x		
38	SEF331	Dự báo phát triển kinh tế xã hội		x									x	x		
39	MAE331	Kinh tế học quản lý	X	x									x			x
40	MIE332	Kinh tế học vi mô 2	X	x									x			x
41	MAE332	Kinh tế học vĩ mô 2	X	x									x			x
42	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ				x			x			x			x	

43	MAS331	Thương mại điện tử				x			x			x			x		
44	PAE331	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp		x			x				x		x		x	x	
45	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn		x			x				x		x		x		x
46	AGS331	Hệ thống nông nghiệp		x							x					x	
47	CEA331	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp					x						x				x
48	APA331	Phân tích chính sách nông nghiệp					x						x				x
49	PIE331	Nguyên lý Kinh tế đầu tư				x						x				x	
50	PRM331	Quản lý dự án đầu tư				x						x				x	
51	EXT331	Khuyến nông					x				x				x		
52	OAE331	Tổ chức công tác khuyến nông					x				x				x		
53	FHE331	Kinh tế nông hộ và trang trại	X							x					x		
54	ABA331	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	X							x					x		
55	AGM331	Marketing nông nghiệp	X							x					x		
56	NRC331	Xây dựng nông thôn mới					x				x			x			
57	ESD331	Môi trường và phát triển bền vững					x				x			x			
58	SIA331	Thống kê nông nghiệp					x				x			x			
59	RUP331	Quy hoạch nông thôn		x								x					x
60	MPD331	Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế xã hội		x								x					x
61	EXM331	Phương pháp khuyến nông	X			x	x		x				x	x		x	
62	AGF331	Tài chính nông nghiệp															
63	ECO421	Thực tập môn học	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

64	ECO401	Thực tập tốt nghiệp	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
65	ECO904	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

- Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT (Phụ lục B)

7. Nội dung chương trình

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
1	MLP132	Triết học Mác-Lênin	3	-
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	MLP132
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	MLP132; MLE121
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	MLP132; MLE121; SSO121
5	VCP121	Lịch sử Đảng CSVN	2	MLP132; MLE121; SSO121; HCM121;
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	-
7	GIF131	Tin học đại cương	3	-
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	-
9	MAE131	Toán kinh tế	3	PST131
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	-
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	ENG121
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	ENG121; ENG122
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	ENG123
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	ENG124
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết	-
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết	PHE011
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết	PHE011; PHE012
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		Bắt buộc		
19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	-

20	MAN231	Quản trị học	3	-
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	-
22	GEM231	Marketing căn bản	3	MIE231, MAE231
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	MIE231, MPL 121
24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	PST131, MAE131
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	-
26	EIA231	Phân tích thông tin kinh tế	3	PST131
Tự chọn				
		<i>Tổ hợp 1</i>	3	
27	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	-
28	VEG231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	-
		<i>Tổ hợp 2</i>	3	
29	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	PSE231
30	ECO231	Kinh tế lượng	3	-
31	ECS231	Thống kê kinh tế	3	MIE231, MAE231, PSE231

7.2.2. Kiến thức ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
Bắt buộc				
32	PEC331	Kinh tế công cộng	3	-
33	ENE331	Kinh tế môi trường	3	MIE231
34	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	-
35	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	MIE231, MAE231
36	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	-
Tự chọn				
		Tổ hợp 1		
		<i>Tổ hợp 1</i>	3	
37	DEC331	Kinh tế phát triển	3	-
38	SEF331	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	3	MIE231, MAE231, DEC331,

				MAE131
		<i>Tổ hợp 2</i>	3	
39	MAE331	Kinh tế học quản lý	3	MIE231
40	MIE332.	Kinh tế học vi mô 2	3	IE231
41	MAE332.	Kinh tế học vĩ mô 2	3	MIE231; MAE231
		<i>Tổ hợp 3</i>	3	
42	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	-
43	MAS331	Thương mại điện tử	3	MIE231; MAE231; GEM231

7.2.3. Kiến thức chuyên ngành

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
		Bắt buộc		
44	PAE331	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	3	-
45	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	-
46	AGS331	Hệ thống nông nghiệp	3	-
47	CEA331	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	3	-
48	APA331	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	-
		Tự chọn		
		<i>Tổ hợp 1</i>	3	
49	PIE331	Nguyên lý Kinh tế đầu tư	3	MIE231, MAE231
50	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	PAP331
		<i>Tổ hợp 2</i>	3	
51	EXT331	Khuyến nông	3	-
52	OAE331	Tổ chức công tác khuyến nông	3	-
		<i>Tổ hợp 3</i>	3	
53	FHE331	Kinh tế nông hộ và trang trại	3	-
54	ABA331	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	3	
55	AGM331	Marketing nông nghiệp	3	
		<i>Tổ hợp 4</i>	3	
56	NRD331	Xây dựng nông thôn mới	3	-
57	ESD331	Môi trường và phát triển bền vững	3	-
58	SIA331	Thống kê nông nghiệp	3	PRS231
59	ECO421	Thực tập môn học ngành Kinh tế	2	PAE331;

				RDE331
--	--	--	--	--------

7.2.4. Tốt nghiệp

TT	Mã MP	Tên học phần	Số TC	Mã HP trước, HP tiên quyết
60	ECO401	Thực tập tốt nghiệp ngành Kinh tế	4	-
61	ECO904	KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN	6	-
		<i>Tổ hợp 1</i>		
62	RUP331	Quy hoạch nông thôn	3	-
63	MPD331	Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế xã hội	3	-
		<i>Tổ hợp 2</i>		
64	EXM331	Phương pháp khuyến nông	3	-
65	AGF331	Tài chính nông nghiệp	3	

8. Kế hoạch Đào tạo (phụ lục)

9. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

Các học phần thuộc Kiến thức giáo dục đại cương

1. <Triết học Mác-Lênin> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành (thảo luận): 18

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn học Triết học Mác – Lênin, từ đó giúp sinh viên có khả năng nắm vững những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin: vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp người học có khả năng phân tích các vấn đề thực tiễn của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước và trên thế giới.

2. <Kinh tế chính trị Mác - Lênin> <2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác – Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp sinh viên có khả năng hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (KTMT); Sản xuất giá trị thặng dư ; Cạnh tranh và độc quyền trong KTMT; KTMT định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó hướng tới việc hình thành kỹ năng, tư duy, tầm nhìn của sinh viên khi tham gia hệ thống các hoạt động kinh tế xã hội sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo của nhà trường.

3. <Chủ nghĩa xã hội khoa học><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành (thảo luận):12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: môn học nghiên cứu về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Cộng sản.

4. <Tư tưởng Hồ Chí Minh><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành (thảo luận): 12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: vấn đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người. Qua đó giúp sinh viên chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

5. <Lịch sử Đảng CSVN><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành (thảo luận): 12

Học phần trước: Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết về những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 -1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. <Pháp luật đại cương>

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức lý luận về nhà nước, pháp luật và một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật Việt Nam trước khi người học tiếp cận với những vấn đề khác thuộc chuyên ngành đào tạo. Môn học được thiết kế gồm 2 nội dung: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật; một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích các vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tế.

7. <Tin học đại cương ><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 30 số tiết thực hành: 30

Học phần trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần **Tin học đại cương** trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về máy tính và Internet, phần cứng, phần mềm, hiểu rõ cách thức hoạt động cơ bản của hệ điều hành Windows, mua sắm máy tính, tự tin thuyết trình, khai thác máy tính an toàn và hiệu quả. Sau khi học xong môn này, người học có thể sử dụng thành thạo máy tính trong các công việc như soạn thảo văn bản, sử dụng bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu báo cáo khai thác và sử dụng Internet, sử dụng công cụ trình chiếu, khai thác và sử dụng các phần mềm ứng dụng khác. Qua những kiến thức rất cơ bản đã được trang bị này, sinh viên có thể tự học và áp dụng các kiến thức này vào từng công việc cụ thể sau này.

8. <Lý thuyết xác suất và thống kê toán ><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần trước: Toán kinh tế

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần lý thuyết xác suất và thống kê toán trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về xác suất và thống kê. Các định nghĩa cơ bản về xác suất được đưa vào chương 1. Chương 2 giới thiệu các khái niệm và các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Các chương 3,4,5,6 dành cho thống kê. Lý thuyết mẫu được trình bày trong chương 3. Chương 4 giới thiệu về ước lượng tham số, hai dạng ước lượng tham số là ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5 bao gồm bài toán kiểm định giả thuyết thống kê, kiểm định tham số và một số kiểm định phi tham số thông dụng. Chương 6 dành cho bài toán phân tích tương quan và hồi quy.

9. <Toán kinh tế><3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản sau: (i) Sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính. Trên cơ sở kiến thức cơ bản đó, giải quyết một số mô hình tuyến tính trong phân tích kinh tế. (ii) Sinh viên được tìm hiểu những kiến thức cơ bản nhất về hàm một biến và nhiều biến cụ thể: về tính liên tục, về các đạo hàm riêng, qua đó sinh viên sẽ nghiên cứu các ứng dụng của đạo

hàm trong kinh tế. Đồng thời, trang bị cho sinh viên về cực trị không có điều kiện, có điều kiện của hàm nhiều biến, nghiên cứu một số mô hình kinh tế liên quan đến cực trị của hàm nhiều biến. (iii) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về phương trình vi phân như phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, phương trình vi phân tuyến tính cấp 2 với hệ số hằng và một số mô hình ứng dụng của phương trình vi phân trong phân tích kinh tế.

10. <Tiếng Anh 1><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 1 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường. Nội dung khoá học được thiết kế theo 4 chủ điểm thuộc các lĩnh vực từ con người, nơi chốn, và các hoạt động thường ngày Mỗi bài (Unit) được thiết kế bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế và phát triển tư duy tích cực. Mỗi bài học có những hoạt động phát triển ngôn ngữ phong phú bằng các ngữ liệu từ National Geographic Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

11. <Tiếng Anh 2><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 2 là một hợp phần của Tiếng Anh cơ bản trong chương trình đào tạo cử nhân các ngành kinh tế trong phạm vi đào tạo của nhà trường, là bước tiếp theo trên lộ trình chuẩn đầu ra về ngoại ngữ giai đoạn I theo chương trình Đề án ngoại ngữ của nhà trường. Nội dung học phần bao gồm 4 chủ điểm bao gồm đồ ăn thức uống, các chuyến đi, tiền tệ và ngoại hình con người. Mỗi bài được thiết kế đảm bảo về mặt kiến thức bao gồm các phần giới thiệu về ngữ pháp, từ vựng, phát âm, phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết có ứng dụng vào thực tế cuộc sống cũng như

nhằm phát triển kỹ năng tư duy phản biện. Không những thế, nội dung kiến thức được sắp xếp một cách khoa học đảm bảo về mặt phương pháp dạy học, cuối mỗi bài học đều có nội dung ôn tập nhằm hệ thống hóa kiến thức mà sinh viên đã học. Ngoài ra, các bài tập bổ trợ trong hệ thống bài tập trực tuyến giúp cho sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch cho việc tự học ở nhà.

12. <Tiếng Anh 3><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24, số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2

Tóm tắt nội dung học phần: Tiếng Anh học phần 3 là môn học tiếp nối môn học tiếng Anh học phần 1 và tiếng Anh học phần 2 và là một trong số các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy hệ đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng ở cấp độ sơ cấp về các lĩnh vực như từ vựng, ngữ pháp, đời sống thực, cách phát âm, kỹ năng tư duy phản biện cũng như phát triển tổng hợp 4 kỹ năng ngôn ngữ gồm: Nghe, nói, đọc, viết; từ đó tạo nền tảng giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra và sử dụng tiếng Anh thành thạo trong học tập, cuộc sống và công việc trong tương lai.

13. <Tiếng Anh 4><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3

Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu) Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Thói quen sinh hoạt, Cuộc sống hằng ngày, Giải trí, Kì nghỉ*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

14. <Tiếng Anh 5><2> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 24 , số tiết thực hành: 12

Học phần học trước: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Học phần tiên quyết: Tiếng Anh học phần 1,2,3,4

Tóm tắt nội dung học phần: Trong học phần này, sinh viên sẽ được tiếp cận với các hiện tượng ngữ pháp, hệ thống từ vựng cũng như các tình huống giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (Trình độ A2-B1 theo khung năng lực Châu Âu). Bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản *Nghe, Nói, Đọc, Viết* được chú trọng và phát triển thông qua các hoạt động ngôn ngữ cụ thể và đa dạng. Học phần gồm 4 bài học được phân theo chủ điểm khác nhau như *Cảm xúc, Giải trí và Thời trang, Du lịch và Trải nghiệm*. Mỗi bài học đều có những hoạt động phát triển từ vựng, những hiện tượng ngữ pháp thiết yếu, các cơ hội luyện tập kỹ năng nghe, nói cũng như các ngữ liệu phong phú cho việc rèn luyện kỹ năng đọc và viết. Bên cạnh đó, cuối mỗi bài học đều có một hệ thống các bài tập bổ trợ để sinh viên có thể củng cố kiến thức và kỹ năng được học.

15. <Giáo dục thể chất 1><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04 , số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Tóm tắt nội dung học phần: GDTC 1 là môn học bắt buộc áp dụng giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất của nhà trường. Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhập môn GDTC tại bậc đại học: Bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung và các bài tập liên hoàn tay không và bài tập liên hoàn với gậy thể dục, kiến thức về y học thể thao...Trang bị cho sinh viên kỹ năng tự tập luyện thể thao, từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

16. <Giáo dục thể chất 2><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04, số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: môn GDTC 1

Học phần tiên quyết: môn GDTC 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 2 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Điền Kinh (kỹ thuật chạy cự ly trung bình). Học phần này trang bị cho sinh viên những

kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn chạy cự ly trung bình và các kiến thức về y học thể thao, chấn thương thường gặp trong vận động thể thao. Vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên từng bước hình thành thói quen vận động thường xuyên.

17. <Giáo dục thể chất 3><1> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 04, số tiết thực hành: 26

Học phần học trước: môn GDTC 1 và GDTC 2

Học phần tiên quyết: môn GDTC 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần GDTC 3 là học phần giới thiệu về kỹ thuật môn học Bóng chuyền. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật cơ bản nhất của môn bóng chuyền. Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học để tự tập luyện và thi đấu, tạo điều kiện cho sinh viên hình thành thói quen vận động thường xuyên từng bước nâng cao trình độ thể thao trong sinh viên trường đại học.

18. <Giáo dục quốc phòng>

19. < Kinh tế học vi mô 1> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vi mô 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong nền kinh tế. Học phần bao gồm một số nội dung cơ bản về: Lý thuyết cầu - cung và cơ chế hình thành giá cả của thị trường; Tác động từ sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường; Độ co giãn của cầu, cung và ứng dụng của các hệ số này trong thực tế; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Lý thuyết hành vi người sản xuất; Quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong những thị trường khác nhau; Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động; Thất bại của thị trường và giải pháp can thiệp của Chính phủ.

20. < Quản trị học> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung cơ bản của môn quản trị học gồm: Giới thiệu các vấn đề chung về quản trị, các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, điều khiển, kiểm soát và các phương pháp quản trị xung đột ... Giúp cho người học nhận thức được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị, vận dụng kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn quản trị, chuẩn bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị tạo điều kiện thuận lợi để học tốt các môn học khoa học nghiệp vụ chuyên ngành như QT Marketing; QT nhân lực; QT ngân hàng; Quản lý kinh tế, Kế toán quản trị

21. < Kinh tế học vĩ mô 1 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 1 là học phần cơ sở của khối ngành kinh tế. Học phần giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô; sự vận hành của nền kinh tế một nước, các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như, thu nhập quốc dân, tổng sản phẩm quốc dân, tổng cung, tổng cầu, lạm phát, thất nghiệp..., các chính sách vĩ mô của Chính phủ mỗi quốc gia như tài khoá, tiền tệ... nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ.

22. < Marketing căn bản > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần tiên quyết: Kinh tế học vi mô 1,

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần marketing căn bản cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất trong lĩnh vực marketing, giúp người học bước đầu vận dụng các kiến thức kỹ năng của môn học vào các hoạt động marketing của doanh nghiệp.

Môn học giúp sinh viên hiểu được các quan điểm khác nhau về marketing. Sự cần thiết cũng như vai trò của hoạt động marketing trong sản xuất kinh doanh. Hiểu được thế nào là thị trường, phân khúc thị trường. Cách xác định trường mục tiêu và định vị sản phẩm, định vị thương hiệu trên thị trường. Biết được vì sao phải nghiên cứu tiến trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố tác động đến tiến trình quyết định mua hàng đó. Hiểu rõ và có thể vận dụng trong thực tiễn các chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối và chính sách truyền thông, cũng như cách thức hiệu quả nhất để phối hợp các chiến lược ấy lại với nhau để tạo ra một chiến lược marketing- mix độc đáo nhất so với các đối thủ cạnh tranh.

23 < Tài chính - tiền tệ 1 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: Triết học Mác Lênin

Học phần song hành: Không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính tiền tệ 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực tài chính - tiền tệ trong nền kinh tế thị trường như: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Tài chính công; Tài chính doanh nghiệp; Tín dụng; Bảo hiểm và Tài chính quốc tế giúp sinh viên có khả năng vận dụng vào thực tiễn công tác trong lĩnh vực kinh tế và quản lý. Đồng thời, học phần Tài chính tiền tệ trang bị kỹ năng nghề nghiệp (chuyên môn) và kỹ năng mềm, năng lực tự chủ và trách nhiệm giúp sinh viên rèn luyện các phẩm chất đạo đức và ý thức tổ chức kỷ luật, tích cực học tập nâng cao nhận thức về lĩnh vực tài chính tiền tệ góp phần hình thành tư duy độc lập, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực kinh tế và quản lý.

24. < Nguyên lý thống kê > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán; Toán kinh tế

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để nhận biết và mô tả được các khái niệm, quá trình nghiên cứu thống kê, hệ thống các chỉ tiêu của các vấn đề kinh tế xã hội và các phương pháp phân tích thống kê trong phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế. Trong quá trình học, người học sẽ hiểu, biết và thực hành quá trình nghiên cứu thống kê, vận dụng được các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; lựa chọn phương pháp chọn mẫu phù hợp trong từng vấn đề nghiên cứu; vận dụng được các công cụ tổng hợp thống kê.

25. < Nguyên lý kế toán > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36, số tiết thực hành: 18

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Học phần song hành: Luật và chuẩn mực kế toán

Tóm tắt nội dung học phần: Nguyên lý kế toán là học phần cơ sở trong chương trình đào tạo cử nhân kinh tế nói chung, chuyên ngành kế toán nói riêng. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kế toán, là nền tảng khoa học của khoa học kế toán và kinh tế. Những quy định mang tính nguyên tắc chung về kế toán, đối tượng nghiên cứu và các phương

pháp kế toán sử dụng để thực hiện vai trò là một trong các công cụ quản lý kinh tế đối với nhà quản lý. Học phần cung cấp cho người học có được các kỹ năng cơ bản của một người làm công tác kế toán, tập hợp, hệ thống hóa và xử lý các dữ liệu kế toán một cách cơ bản. Đồng thời, với kiến thức khoa học giúp người học tiếp tục nghiên cứu kế toán chuyên ngành, nghiên cứu sâu trong lĩnh vực kế toán tài chính.

26. < Phân tích Thông tin kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lý thuyết xác suất và thống kê toán

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào cung cấp các kiến thức về các loại số liệu thống kê phục vụ cho các nghiên cứu về lĩnh vực kinh tế xã hội nhằm giúp người học hiểu các vấn đề về nguồn và việc quản lý thông tin phục vụ nghiên cứu các vấn đề kinh tế. Đây là học phần tiền đề giúp cho người học có thể tiếp cận với các nghiên cứu và đề tài cuối khoá của mình trong chương trình học.

27. < Lịch sử các học thuyết kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; Giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản qua các thời đại lịch sử, quá trình phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau giữa các học thuyết kinh tế, và nhất là ý nghĩa của từng học thuyết trong xây dựng và phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam.

28. < Địa lý Kinh tế Việt Nam > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của lý luận về tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội nói chung; vị trí của Việt Nam trong tổng thể kinh tế thế giới, ảnh hưởng của vị trí địa lý đối với sự phát triển kinh tế; sự phân bố cụ thể của các

ngành nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ của Việt Nam; giới thiệu cụ thể về 8 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm các nội dung về: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, khung lãnh thổ, những thuận lợi - khó khăn và định hướng phát triển của vùng.

29. < Phương pháp NCKH > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho người học kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học. Từ việc hình thành ý tưởng nghiên cứu, học phần giúp người học tổng quan được các tài liệu và xây dựng khung lý thuyết phục vụ cho nghiên cứu. Trên cơ sở đó xác định được các câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung phân tích và đề cương chi tiết, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu được tiến hành một cách khoa học và logic đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu đã được thiết lập.

30. < Kinh tế lượng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên một tập hợp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và dự báo liên quan đến kinh tế vĩ mô và đầu tư tài chính như lạm phát, lãi suất, tổng sản phẩm quốc dân, xây dựng danh mục đầu tư tài chính, định giá cổ phiếu, quản lý rủi ro... với sự hỗ trợ của phần mềm thống kê EVIEWS.

31. < Thống kê Kinh tế > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Nguyên lý thống kê.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Thống kê Kinh tế là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành chính, gồm 9 chương với các nội dung về thống kê dân số, thống kê của cải quốc dân, thống kê kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân, thống kê ngân sách, thống kê tiền tệ - tín dụng; thống kê mức sống dân cư và thống kê so sánh quốc tế. Học phần là nền tảng cho nghiên cứu các học phần chuyên ngành chuyên sâu

thuộc khối ngành kinh tế và là kiến thức nền tảng cho viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp.

32. < Kinh tế công cộng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế công cộng nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường và đối tượng nghiên cứu của học phần kinh tế công cộng; Chính phủ với vai trò phân bổ nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế; Chính phủ với vai trò phân phối lại thu nhập và đảm bảo công bằng xã hội; Chính phủ với vai trò ổn định kinh tế vĩ mô trong điều kiện toàn cầu hoá; Lựa chọn công cộng; Các công cụ chính sách can thiệp chủ yếu của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Phân tích chính sách chi tiêu công cộng; Thuế và tác động của thuế.

33. < Kinh tế môi trường > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế môi trường nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, nền tảng về môi trường, phát triển bền vững, kinh tế tài nguyên thiên nhiên và kinh tế ô nhiễm môi trường. Kinh tế môi trường nghiên cứu nguyên nhân kinh tế, đánh giá thiệt hại kinh tế của các vấn đề môi trường (ô nhiễm, suy thoái môi trường...) và phân tích khía cạnh kinh tế của các công cụ chính sách quản lý môi trường (tiêu chuẩn môi trường, thuế, phí phát thải...). Kinh tế môi trường giới thiệu các phương pháp đánh giá giá trị môi trường, là cơ sở xây dựng chính sách quản lý tài nguyên, môi trường hiệu quả.

34. < Kinh tế bảo hiểm > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế bảo hiểm nghiên cứu về các nội dung chủ yếu sau: Tổng quan về bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm y tế;

Tổng quan về bảo hiểm thương mại; Nghiên cứu chi tiết một số loại hình bảo hiểm thương mại cụ thể như: Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm con người; Bảo hiểm nông nghiệp.

35. < Lập và phân tích dự án đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Lập và phân tích dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề phương pháp luận về lập dự án đầu tư phát triển. Học phần có nhiệm vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích dự án, bao gồm các nội dung: Một số vấn đề lý luận chung đầu tư, dự án đầu tư; Trình tự, nội dung nghiên cứu và công tác soạn thảo dự án đầu tư; Nội dung chủ yếu phân tích các khía cạnh tài chính, kỹ thuật và nguồn nhân lực của dự án đầu tư. Qua học phần giúp cho người học có thể soạn thảo dự án đầu tư, phân tích tính khả thi dự án, hoàn thành khả năng tư duy và xử lý các tình huống trong lập dự án đầu tư.

36. < Kinh tế và chính sách phát triển vùng > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những vấn đề lý luận và thực tiễn kinh tế và chính sách phát triển vùng; Phát triển các vùng kinh tế cần dựa trên cơ sở khai thác thế mạnh tiềm năng mỗi vùng, liên kết giữa các vùng nhằm thu hút đầu tư, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng đều có, làm cho các vùng đều có chuyển biến tiến bộ, cơ cấu kinh tế hợp lý tạo nên sự phát triển kinh tế xã - hội mạnh mẽ của cả nước.

37. < Kinh tế phát triển > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế phát triển nghiên cứu các nguyên lý phát triển kinh tế trong điều kiện các nước đang phát triển. Học phần cung cấp cho người học những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn cho việc tìm ra con đường hợp lý nhất để tăng

trường kinh tế, cải thiện và nâng cao mức sống và đảm bảo sự tiến bộ cho mọi người ở mỗi quốc gia đang phát triển.

38. < Dự báo phát triển kinh tế - xã hội > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Toán kinh tế.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Dự báo phát triển kinh tế - xã hội là một môn khoa học xã hội cung cấp các phương pháp dự báo, tiên đoán có tính khoa học, mang tính chất xác suất về mức độ, nội dung, các mối quan hệ, trạng thái, xu hướng phát triển của các vấn đề kinh tế - xã hội hoặc về cách thức và thời hạn đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong tương lai nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý của người học, các nhà kinh tế, các nhà hoạch định chính sách và các nhà quản lý.

39. < Kinh tế học quản lý > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế học vi mô 1, Kinh tế học vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản cho các nhà quản lý của doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, người học có thể hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản về Lý thuyết cầu; Quyết định sản xuất, chính sách giá và các hình thức cạnh tranh phi giá của doanh nghiệp trong các loại hình thị trường khác nhau; Lý thuyết cơ bản về công ty đa quốc gia.

40. < Kinh tế học vi mô 2 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Phân tích hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng và phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất, ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường. Phân tích các nhược điểm vốn có của thị trường và vai trò của Chính phủ. Ngoài ra, học phần còn trang bị các công cụ nâng cao trong phân tích cân bằng tổng quát cũng như kiến thức về lựa chọn trong điều kiện rủi ro.

41. < Kinh tế học vĩ mô 2 > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học vĩ mô 2 nghiên cứu những kiến thức nâng cao của kinh tế học vĩ mô về ứng xử tổng thể của nền kinh tế theo các biến số quan trọng như: tiêu dùng, đầu tư, lãi suất, thu nhập... Đặc biệt là vai trò của Chính phủ trong việc điều hành nền kinh tế vĩ mô thông qua việc thực hiện các chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và chính sách kinh tế mở. Đồng thời, học phần này cũng đề cập đến những vấn đề liên quan đến tăng trưởng kinh tế và các mô hình mô tả nền kinh tế trong dài hạn, từ sản xuất, phân phối đến phân bổ thu nhập quốc dân.

42. < Kinh tế thương mại và dịch vụ > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1, Toán kinh tế.

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung: khái niệm, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung. Tìm hiểu các chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý như thế nào để quản lý ngành thương mại có hiệu quả của nhà nước. Phần cuối học phần đã đề cập đến những phương thức đánh giá hiệu quả kinh doanh, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội nói chung và đối với ngành thương mại nói riêng.

43. < Thương mại điện tử > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thương mại điện tử đã được đưa vào là một môn học bắt buộc trong các trường đại học khối ngành kinh tế, nhằm đào tạo ra một nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực này. Ngoài ra, các bộ ngành trung ương cũng xúc tiến hoàn thiện khung pháp lý về thương mại điện tử tạo nên sự phát triển bền vững cho thương mại điện tử tại Việt Nam. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thương mại điện tử, kinh doanh trên Internet, quảng cáo trên mạng, thanh toán điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến, Logistics trong thương mại điện tử. Ngoài ra còn trang bị cho sinh viên kỹ năng tạo lập một hoạt động kinh doanh trên mạng cơ bản.

44. < Nguyên lý Kinh tế Nông nghiệp > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức về Kinh tế nông nghiệp, thị trường nông nghiệp, các nguyên lý hoạt động của cơ chế thị trường trong nông nghiệp. Vấn đề phát triển bền vững, đặc biệt là phát triển nông nghiệp bền vững. Học phần còn cung cấp các thông tin về những định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi trong ngành nông nghiệp Việt Nam để góp phần vào việc thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

45. < Kinh tế phát triển nông thôn > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế phát triển nông thôn cung cấp những kiến thức cơ bản về nông thôn và phát triển nông thôn, cụ thể: quan hệ giữa nông thôn và thành thị trong phát triển kinh tế, quan điểm và phương hướng phát triển nông thôn ở nước ta. Cơ cấu kinh tế nông thôn. Các ngành kinh tế cơ bản của nông thôn như nông nghiệp, công nghiệp nông thôn, thương mại dịch vụ nông thôn. Những vấn đề về phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn ...

46 < Hệ thống nông nghiệp > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hệ thống nông nghiệp cung cấp các nội dung cốt lõi sau: Hệ thống hoá khái niệm chung về hệ thống nông nghiệp, tính bền vững của hệ thống nông nghiệp; Ưu, nhược điểm của từng loại hệ thống nông nghiệp và sự phù hợp của chúng đối với các vùng đất khác nhau Các phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu hệ thống nông nghiệp. Mối quan hệ giữa hệ thống xã hội và hệ thống sản xuất; Mối quan hệ

giữa các thành phần trong nội bộ hệ thống nông nghiệp. Quan điểm và cách tiếp cận trong nghiên cứu hệ thống bền vững và định hướng ngành nông nghiệp trong tương lai.

47. < Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử kinh tế hợp tác và phong trào hợp tác xã trên thế giới, khuôn khổ pháp lý của hợp tác xã nông nghiệp, hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nhiệm vụ, nội dung và phương thức hoạt động của các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, vai trò và công cụ quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân nói chung và kinh tế hợp tác nói riêng, các giải pháp cơ bản để phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp Việt Nam.

48. < Phân tích chính sách nông nghiệp > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản về khái niệm, vai trò, tác động của chính sách nông nghiệp ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đồng thời giới thiệu một số chính sách chủ yếu trong nông nghiệp Việt Nam như chính sách đất đai, chính sách khuyến nông, xóa đói giảm nghèo và hệ thống văn bản chính sách hiện nay tại Việt Nam. Học phần còn giúp sinh viên vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích chính sách kinh tế trong nông nghiệp như: Phân tích phúc lợi kinh điển và ma trận phân tích chính sách (mô hình PAM). ...

49. < Nguyên lý kinh tế đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như khái niệm, bản chất, vai trò và đặc điểm của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng

các yêu cầu của quản lý và nghiên cứu kinh tế. Đồng thời học phần cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

50. < Quản lý dự án đầu tư > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Lập và Phân tích dự án đầu tư

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản lý dự án đầu tư nghiên cứu những vấn đề về phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quản lý dự án đầu tư. Nhiệm vụ chính của học phần là luận giải có cơ sở khoa học tính tất yếu của việc quản lý có hiệu quả dự án đầu tư, trình bày một cách có hệ thống phương pháp luận và những phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án. Đồng thời, học phần cũng có nhiệm vụ làm rõ nội dung, cơ sở khoa học xác định đối tượng quản lý, phương pháp quản lý khoa học áp dụng trong lĩnh vực quản lý dự án.

51. < Khuyến nông > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp cho sinh viên hiểu được công tác khuyến nông có vai trò như một công cụ để thực hiện chính sách của nhà nước trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; cung cấp những nguyên tắc cơ bản của khuyến nông; những kỹ năng cơ bản của người cán bộ khuyến nông cần phải có; cách thức tổ chức và đào tạo trong khuyến nông; lập kế hoạch khuyến nông, đánh giá chương trình khuyến nông có sự tham gia của người dân; các nội dung khuyến nông với người nghèo, với phụ nữ.

52. < Tổ chức công tác khuyến nông > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về tổ chức công tác khuyến nông, bao gồm: Tổ chức hệ thống khuyến nông; Hệ thống khuyến nông Việt Nam, tổ chức hệ thống khuyến nông nhà nước, tổ chức hệ thống khuyến nông cơ sở; tổ chức nguồn lực cho khuyến nông; kế hoạch khuyến nông, sự tham gia của nông dân

trong khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông, phương pháp đánh giá hiệu quả khuyến nông.

53. < Kinh tế nông hộ và trang trại> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 2 nội dung lớn là cung cấp những khái niệm chung về nông hộ, trang trại; Nghiên cứu về nguồn lực của nông hộ, của trang trại; các nguyên lý kinh tế ứng dụng, cách thức quản trị, quản lý kinh tế của nông hộ, và của trang trại; Lịch sử phát triển kinh tế trang trại ở thế giới, thực trạng, quan điểm, chính sách phát triển của kinh tế nông hộ và kinh tế trang trại nước ta.

54. < Quản trị kinh doanh nông nghiệp> <3> tín chỉ

55. < Marketing nông nghiệp > <3> tín chỉ

56. < Xây dựng nông thôn mới > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn); về nội dung của chương trình xây dựng nông thôn mới; quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới; môi trường và phát triển bền vững trong xây dựng nông thôn mới; ứng dụng và chuyển giao khoa học-công nghệ trong xây dựng nông thôn mới; phát triển nguồn nhân lực cho xây dựng nông thôn mới; và các hình thức tổ chức kinh doanh trong xây dựng nông thôn mới.

57. < Môi trường và phát triển bền vững > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan các vấn đề môi trường, các vấn đề về phát triển bền vững; phân tích mô hình phát triển bền vững (so sánh với mô hình phát triển không bền vững); Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở hai vùng kinh tế – sinh thái cơ bản là nông thôn và đô thị; Các tiêu chuẩn, tiêu chí và cách thức đo lường mức độ phát triển bền vững ở phạm vi địa phương,

quốc gia; Phân tích định hướng bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam. Nội dung học phần sẽ bổ sung kiến thức về phát triển bền vững đặt trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

58. < Thống kê Nông nghiệp > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Nguyên lý thống kê

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Thống kê nông nghiệp trang bị những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê trong nông nghiệp như: Thống kê các tư liệu sản xuất chủ yếu (đất đai, TSCĐ, lao động...); Thống kê sản xuất ngành trồng trọt, ngành chăn nuôi; Thống kê kết quả sản xuất trong doanh nghiệp nông nghiệp thông qua tính toán các chỉ tiêu như GO, VA, NVA, doanh thu, lợi nhuận ...; Phương pháp dự báo thống kê; Phương pháp tính các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phương pháp đánh giá hiệu quả SXKD của doanh nghiệp nông nghiệp.

59. < Quy hoạch nông thôn > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quy hoạch nông thôn cung cấp cho sinh viên có được những luận điểm, hiểu được những đặc trưng cơ bản về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thấy rõ được tính chất phức tạp trong các dự án phát triển nông thôn, ý nghĩa và tầm quan trọng của quy hoạch phát triển nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; các nguyên lý, mục đích, yêu cầu, nội dung cơ bản, phương pháp và trình tự lập quy hoạch phát triển nông thôn toàn diện. học phần cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng trong công tác thực hiện quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội ở các địa phương, các vùng trên cả nước.

60. < Quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - Xã hội > <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH cung cấp cho người học các kiến thức về quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, các lý thuyết phát triển KT-XH và tổ chức không gian các hoạt động KT-XH hợp lý trên lãnh thổ nhất định trong một thời gian xác định. Ngoài ra, học phần cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ năng trong công tác thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành, lĩnh vực và các vùng.

61. < Phương pháp khuyến nông> <3> tín chỉ

Phân bố thời gian học tập:

số tiết lý thuyết trên lớp: 36; số tiết thảo luận: 18; số tiết tự học: 108.

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Học phần song hành: không

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp cho sinh viên hiểu được phương pháp khuyến nông, bao gồm phương pháp cá nhân, phương pháp nhóm và phương pháp khuyến nông qua phương tiện thông tin đại chúng. Học phần còn giúp hiểu được các mạng lưới phương pháp khuyến nông rộng lớn từ trung ương đến cơ sở (Phương pháp khuyến nông nhà nước, phương pháp khuyến nông tự nguyện và các tổ chức phương pháp khuyến nông phi chính phủ).

62. < Tài chính nông nghiệp> <3> tín chỉ

10. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

10.1. Các phòng thực hành và các hệ thống thiết bị quan trọng

- Trung tâm ngoại ngữ tin học, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên

10.2. Thư viện, trang Web

- Trung tâm thông tin thư viện, trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (<http://elib.tueba.edu.vn/>)

- Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên (<http://lrc.tnu.edu.vn/>)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

a. Chương trình đào tạo được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

b. Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học: Theo quy định của Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh.

12. Đề cương chi tiết các học phần (Phụ lục D)

TRƯỞNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

Phụ lục A

1. Ma trận thể hiện sự đáp ứng giữa chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo Cử nhân kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn, so với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia.

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT Cử nhân Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	1.2
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	1.1
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc	1.3
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	1.4
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	1.5
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	2.4
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	2.5
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi	2.6
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	2.3
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	2.2
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	2.1
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm	3.1

đối với nhóm	
Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	3.3
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	3.2
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	3.4

2. Ma trận thể hiện sự đáp ứng của chuẩn đầu ra CTĐT Cử nhân kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 4 mức từ 1-4 trong đó:

Mức 1: Không đáp ứng

Mức 2: Đáp ứng một phần

Mức 3: Đáp ứng đầy đủ

Mức 4: Vượt hơn yêu cầu

Chuẩn đầu ra của CTĐT Cử nhân Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chuẩn nghề nghiệp (nếu có)	Tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường	Yêu cầu của nhà sử dụng lao động
1.1		3	3
1.2		3	3
1.3		3	3
1.4		3	3
1.5		3	4
2.1		3	3
2.2		3	4
2.3		3	3
2.4		3	3
2.5		3	3
2.6		3	3
3.1		3	3
3.2		3	4
3.3		3	3
3.4		3	3

Phụ lục B: Báo cáo về các nội dung đối sánh

1. Nội dung báo cáo đối sánh CĐR của CTĐT.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

NỘI DUNG ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Mục tiêu

Nhằm đối sánh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo do Nhà trường xây dựng với các bên liên quan gồm: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tương tự do các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài nước ban hành; ý kiến của Nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên..., từ đó làm căn cứ để điều chỉnh các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hiện có, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

2. Nội dung

- Đối sánh bên ngoài: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trong nước gồm Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của trường Đại học Cần Thơ và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Đối sánh bên trong: Đối sánh và tham chiếu chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp của Nhà trường với các ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và các cựu sinh viên.

MA TRẬN ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

CĐR CTĐT Kinh tế NN- PTNT - TUEBA	CĐR CTĐT Kinh tế nông nghiệp - ĐH Cần Thơ	CĐR CTĐT Kinh tế nông nghiệp – Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Ý kiến NSD lao động	Ý kiến CSV	Ghi chú
1.1	X – 100%	X – 100%	X – 80%	X – 80%	
1.2	X – 100%	X – 80%	X – 80%	X – 90%	
1.3	X – 80%	X – 80%	X – 90%	X – 90%	
1.4	X – 90%	X – 90%	X – 80%	X – 90%	

1.5	X – 90%	X – 90%	X – 80%	X – 90%	
2.1	X – 90%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
2.2	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
2.3	X – 70%	X – 80%	X – 80%	X – 80%	
2.4	X – 70%	X – 80%	X – 80%	X – 90%	
2.5	-	X – 50%	X – 80%	X – 80%	
2.6	X – 100%	X – 100%	X – 80%	X – 80%	
3.1	X – 80%	X – 90%	X – 90%	X – 90%	
3.2	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
3.3	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	
3.4	X – 80%	X – 90%	X – 80%	X – 80%	

3. Đánh giá chung

Về cơ bản Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Nhà trường được xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành và sát với nhu cầu của thị trường lao động.

TRƯỜNG KHOA



TS. Bùi Nữ Hoàng Anh

2. Nội dung báo cáo đối sánh CTĐT.**3. Nội dung báo cáo đối sánh học phần.**

STT	Tên học phần	STT	Tên học phần
1	Địa lý kinh tế Việt Nam	13	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp
2	Kinh tế công cộng	14	Phân tích chính sách nông nghiệp
3	Kinh tế môi trường	15	Nguyên lý Kinh tế đầu tư
4	Kinh tế bảo hiểm	16	Quản lý dự án đầu tư
5	Lập và phân tích dự án đầu tư	17	Khuyến nông
6	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	18	Tổ chức công tác khuyến nông
7	Kinh tế phát triển	19	Kinh tế nông hộ và trang trại
8	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	20	Xây dựng nông thôn mới
9	Kinh tế thương mại và dịch vụ	21	Môi trường và phát triển bền vững
10	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	22	Quy hoạch nông thôn
11	Kinh tế phát triển nông thôn	23	Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế xã hội
12	Hệ thống nông nghiệp	24	Phương pháp khuyến nông

Phụ lục C: Kế hoạch đào tạo

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

TRƯỜNG ĐH KT& QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**Ngành: Kinh tế****CTĐT: Kinh tế nông nghiệp và PTNT****Mã ngành: 7310103****Thời gian đào tạo: 04 năm**

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết		NĂM/ HỌC KỲ							
				LT	TH	I		II		III		IV	
						1	2	3	4	5	6	7	8
1	Khối Kiến thức giáo dục đại cương		32										
1	MLP132	Triết học Mác-Lênin	3	36	18	3							
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	24	12		2						
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	12				2				
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	24	12					2			
5	VCP121	Lịch sử Đảng CSVN	2	24	12						2		
6	LAW121	Pháp luật đại cương	2	24	12	2							
7	GIF131	Tin học đại cương	3	36	18		3						
8	PST131	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	36	18	3							
9	MAE131	Toán kinh tế	3	36	18		3						
10	ENG121	Tiếng Anh 1	2	24	12	2							
11	ENG122	Tiếng Anh 2	2	24	12		2						
12	ENG123	Tiếng Anh 3	2	24	12			2					
13	ENG124	Tiếng Anh 4	2	24	12				2				
14	ENG125	Tiếng Anh 5	2	24	12					2			
15	PHE011	Giáo dục thể chất 1	30 tiết			x							
16	PHE012	Giáo dục thể chất 2	30 tiết				x						
17	PHE013	Giáo dục thể chất 3	30 tiết					x					
18		Giáo dục quốc phòng	5 tuần					x					
2	Khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93										
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30										
	Bắt buộc		24										
19	MIE231.	Kinh tế học vi mô 1	3	36	18	3							
20	MAN231	Quản trị học	3	36	18	3							
21	MAE231.	Kinh tế học vĩ mô 1	3	36	18		3						
22	GEM231	Marketing căn bản	3	36	18		3						
23	FAM231.	Tài chính - tiền tệ	3	36	18			3					

24	PRS231	Nguyên lý thống kê	3	36	18			3					
25	ACT231	Nguyên lý kế toán	3	36	18			3					
26	EIA231	Phân tích thông tin kinh tế	3	36	18				3				
	<i>Tự chọn</i>		6										
		<i>Tổ hợp 1</i>	3										
27	HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	36	18			3					
	VEG231	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	36	18								
		<i>Tổ hợp 2</i>	3										
28	SRM231	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	18			3					
	ECO231	Kinh tế lượng	3	36	18								
	ECS231	Thống kê kinh tế	3	36	18								
2.2	Kiến thức ngành		24										
	Bắt buộc		15										
29	PEC331	Kinh tế công cộng	3	36	18			3					
30	ENE331	Kinh tế môi trường	3	36	18				3				
31	ISE331	Kinh tế bảo hiểm	3	36	18					3			
32	PAP331	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	36	18					3			
33	ERP331	Kinh tế và chính sách phát triển vùng	3	36	18						3		
	<i>Tự chọn</i>		9										
34		<i>Tổ hợp 1</i>	3					3					
	DEC331	Kinh tế phát triển	3	36	18								
	SEF331	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	3	36	18								
35		<i>Tổ hợp 2</i>	3					3					
	MAE331	Kinh tế học quản lý	3	36	18								
	MIE332.	Kinh tế học vi mô 2	3	36	18								
	MAE332.	Kinh tế học vĩ mô 2	3	36	18								
36		<i>Tổ hợp 3</i>	3					3					
	ETS331	Kinh tế thương mại và dịch vụ	3	36	18								
	MAS331	Thương mại điện tử	3	36	18								
2.3	Kiến thức chuyên ngành		27										
	Bắt buộc		15										
37	PAE331	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	3	36	18						3		
38	RDE331	Kinh tế phát triển nông thôn	3	36	18						3		
39	AGS331	Hệ thống nông nghiệp	3	36	18							3	
40	CEA331	Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp	3	36	18							3	
41	APA331	Phân tích chính sách nông nghiệp	3	36	18							3	

		<i>Tự chọn</i>	12										
		<i>Tổ hợp 1</i>	3										
42	PIE331	Nguyên lý Kinh tế đầu tư	3	36	18					3			
	PRM331	Quản lý dự án đầu tư	3	36	18								
		<i>Tổ hợp 2</i>	3										
43	EXT331	Khuyến nông	3	36	18							3	
	OAE331	Tổ chức công tác khuyến nông	3	36	18								
		<i>Tổ hợp 3</i>	3										
44	FHE331	Kinh tế nông hộ và trang trại	3	36	18							3	
	ABA331	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	3	36	18								
	AGM331	Marketing nông nghiệp	3	36	18								
		<i>Tổ hợp 4</i>	3										
45	NRD331	Xây dựng nông thôn mới	3	36	18							3	
	ESD331	Môi trường và phát triển bền vững	3	36	18								
	SIA331	Thống kê nông nghiệp	3	36	18								
2.4	ECO421	Thực tập môn học ngành Kinh tế	2								2		
2.5	ECO401	Thực tập tốt nghiệp ngành Kinh tế	4										4
2.6	ECO904	KLTN/Các HP tự chọn thay thế KLTN	6										6
		<i>Tổ hợp 1</i>											
46	RUP331	Quy hoạch nông thôn	3	36	18								x
	MPD331	Quy hoạch tổng thể Phát triển kinh tế xã hội	3	36	18								
		<i>Tổ hợp 2</i>											
47	EXM331	Phương pháp khuyến nông	3	36	18								x
	AGF331	Tài chính nông nghiệp	3	36	18								
Tổng số tín chỉ toàn khóa			125			16	16	17	16	16	16	18	10

Ghi chú: Các học phần Thực tập môn học bao gồm: Nguyên lý kinh tế nông nghiệp; Kinh tế phát triển nông thôn

Phụ lục D: Đề cương chi tiết học phần